



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781 ngày 14 tháng 01 năm 2002 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302511219 vào ngày 21 tháng 06 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776 ngày 19 tháng 08 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 03 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121 ngày 10 tháng 10 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-002 vào ngày 18 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương được gọi là Công ty mẹ, trực tiếp thực hiện các hoạt động kinh doanh và đầu tư vốn theo hình thức sở hữu trong vốn điều lệ của các doanh nghiệp khác, gồm có:

- **Công ty con:** là các công ty do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, bao gồm 3 công ty:
 - + **Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)**
Địa chỉ: 39B Đường Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 90,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 90,00%
 - + **Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt**
Địa chỉ: A8 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 90,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 94,90%

+ **Công ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam**

Địa chỉ: A8 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 100%

- **Công ty liên doanh:** là các công ty được thành lập do thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Công ty với các công ty khác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh, bao gồm 1 công ty:

+ **Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)**

Địa chỉ: Số 33 Bis Đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 50,00%

- **Công ty liên kết:** là các công ty do Công ty nắm giữ trực tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, bao gồm 6 công ty:

+ **Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)**

Địa chỉ: Số 51 Đường Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 48,90%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30,00%

+ **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)**

Địa chỉ: Số 184 Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%

+ **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistic Jsc.)**

Địa chỉ: Số 2 Đường Bích Câu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 24,12%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 24,12%

+ **Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)**

Địa chỉ: Số 18 Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

+ **Cty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam)**

Địa chỉ: : Tầng 14, số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 49,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 49,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Hàng Không Toàn Cầu Việt Nam

Địa chỉ: Số 39B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 44,10%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 49,00%

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29/08/2013)
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên (miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 29/08/2013)
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Bùi Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Chu Việt Cường	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Nguyễn Bích Liên	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Bích Lân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2013)

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN BÍCH LÂN



Số: 14.168/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn", được lập ngày 28 tháng 03 năm 2014 từ trang 7 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0544-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		280.922.086.782	249.436.067.848
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	99.342.797.103	76.416.083.600
1. Tiền	111		62.882.836.787	41.139.704.813
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.459.960.316	35.276.378.787
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.780.240.000	790.400.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	(5.2)	5.780.240.000	790.400.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	130.012.448.483	126.939.015.573
1. Phải thu khách hàng	131		130.673.796.332	127.868.655.998
2. Trả trước cho người bán	132		578.156.652	1.566.602.939
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		5.177.642.250	3.006.020.623
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.417.146.751)	(5.502.263.987)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.786.601.196	45.290.568.675
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.4)	588.739.025	1.442.786.252
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		119.053.110	5.700.470.733
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		325.613.479	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	44.753.195.582	38.147.311.690

(Phần tiếp theo ở trang 08)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.230.822.590	89.683.619.467
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		3.990.735.210	6.013.204.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	2.409.815.150	4.450.416.773
+ Nguyên giá	222		9.467.093.320	13.857.261.108
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.057.278.170)	(9.406.844.335)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.7)	1.327.480.060	1.562.787.532
+ Nguyên giá	228		1.814.011.679	1.833.681.679
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(486.531.619)	(270.894.147)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		253.440.000	
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	83.226.863.612	77.522.720.052
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		72.704.108.285	69.349.124.751
3. Đầu tư dài hạn khác	258		11.122.755.327	11.122.755.327
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(600.000.000)	(2.949.160.026)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.013.223.768	6.147.695.110
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.9)	1.798.835.706	1.770.194.148
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.10)	4.214.388.062	4.377.500.962
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		374.152.909.372	339.119.687.315

(Phần tiếp theo ở trang 09)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		194.761.581.821	193.978.768.871
I. Nợ ngắn hạn	310		186.459.563.281	186.489.378.862
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.11)	5.000.000.000	15.612.452.998
2. Phải trả người bán	312	(5.12)	142.122.628.099	136.505.968.646
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.12)	6.268.644.935	9.712.983.816
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.13)	5.178.047.350	3.681.780.789
5. Phải trả người lao động	315	(5.14)	6.564.026.733	4.407.597.439
6. Chi phí phải trả	316	(5.15)	9.465.048.218	6.387.520.011
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.16)	8.054.310.728	4.986.059.906
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.17)	3.806.857.218	5.195.015.257
II. Nợ dài hạn	330		8.302.018.540	7.489.390.009
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.18)	7.912.693.190	6.899.674.888
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		389.325.350	589.715.121
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		171.721.148.131	139.480.123.571
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.19.1)	171.721.148.131	139.480.123.571
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.19.2)	56.000.000.000	56.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.656.416.453	2.656.416.453
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(352.133.529)	(352.133.529)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.481.244.351	2.391.558.348
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.072.978.580	4.852.924.829
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		120.614.035	153.218.880
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.516.020.326	1.226.773.056
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.19.6)	103.226.007.915	72.551.365.534
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	(5.20)	7.670.179.420	5.660.794.873
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		374.152.909.372	339.119.687.315

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

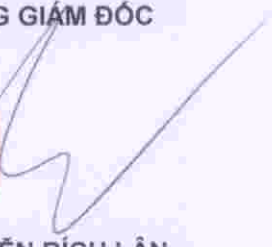
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ + USD		1.429.097,88	1.312.920,29
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TRỊNH PHƯƠNG THẢO

LÊ THỊ NGỌC ANH

NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.238.163.932.563	962.915.479.305
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.430.896.823	3.169.293.528
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.233.733.035.740	959.746.185.777
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.188.548.557.922	943.519.048.446
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.184.477.818	16.227.137.331
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	16.206.942.757	14.965.583.601
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	6.086.857.574	8.071.326.489
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		972.109.739	1.223.357.319
8. Chi phí bán hàng	24		50.000.000	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	19.115.336.544	17.017.703.736
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.139.226.457	6.103.690.707
11. Thu nhập khác	31		90.136.285	224.541.969
12. Chi phí khác	32		1.731.738.253	819.163.426
13. Lợi nhuận khác	40		(1.641.601.968)	(594.621.457)
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		6.491.367.163	4.317.239.423
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.988.991.652	9.826.308.673
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.317.464.695	3.477.991.962
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		35.671.526.957	6.348.316.711
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		2.170.451.050	(855.261.626)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		33.501.075.907	7.203.578.337
18. Lãi cơ bản trên cổ phần của Công ty mẹ	70	(5.19.5)	5.999	1.290

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






NGUYỄN TRỊNH PHƯƠNG THẢO

LÊ THỊ NGỌC ANH

NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.988.991.652	9.826.308.673
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.717.662.568	1.823.256.772
Các khoản dự phòng	03		1.436.159.760	3.993.100.352
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.812.374.975	(82.706.188)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.645.696.619)	(15.174.024.322)
Chi phí lãi vay	06		972.109.739	1.223.357.319
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		29.281.602.075	1.609.292.606
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.734.418.589	(40.087.865.917)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(299.610.137)	50.414.120.765
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		824.724.458	620.089.397
Tiền lãi vay đã trả	13		(922.109.739)	(937.034.507)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.285.875.481)	(5.983.039.964)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		33.741.197.837	19.100.481.528
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(40.504.579.427)	(26.958.493.213)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.569.768.175	(2.222.449.305)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(443.550.000)	(956.595.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		89.635.455	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(5.065.600.000)	(4.157.488.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		86.000.000	4.522.200.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300.000.000)	(3.075.240.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.708.412.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.222.778.045	10.698.700.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.297.675.500	7.031.577.673

(Phần tiếp theo ở trang 13)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		300.000.000	3.624.489.800
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		25.231.883.719	61.236.520.661
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35.844.336.717)	(50.624.067.663)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.988.578.750)	(5.568.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.301.031.748)	8.668.592.798
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		22.566.411.927	13.477.721.166
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		76.416.083.600	62.017.393.746
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		360.301.576	920.968.688
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		99.342.797.103	76.416.083.600

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN TRỊNH PHƯƠNG THẢO

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781 ngày 14 tháng 01 năm 2002 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302511219 vào ngày 21 tháng 06 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776 ngày 19 tháng 08 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 03 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121 ngày 10 tháng 10 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-002 vào ngày 18 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Công ty có đầu tư vào ba công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 174 người (31/12/2012: 172 người)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

1.3. Danh sách các công ty đã được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất

- **Công ty mẹ:**

- **Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương**

- Địa chỉ: A8 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Công ty con:** là các công ty do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, bao gồm 3 công ty:

- **Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)**

- Địa chỉ: 39B Đường Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 90,00%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 90,00%

- **Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt**

- Địa chỉ: A8 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 90,00%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 94,90%

- **Công ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam**

- Địa chỉ: A8 Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 100%

- **Công ty liên doanh:** là các công ty được thành lập do thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Công ty với các công ty khác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh, bao gồm 1 công ty:

- **Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)**

- Địa chỉ: Số 33 Bis Đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 50,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Công ty liên kết:** là các công ty do Công ty nắm giữ trực tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, bao gồm 6 công ty:

- + **Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)**

Địa chỉ: Số 51 Đường Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 48,90%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30,00%

- + **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)**

Địa chỉ: Số 184 Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%

- + **Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics Jsc.)**

Địa chỉ: Số 2 Đường Bích Câu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 24,12%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 24,12%

- + **Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)**

Địa chỉ: Số 18 Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

- + **Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam)**

Địa chỉ: Tầng 14, số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 49,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 49,00%

- + **Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Hàng Không Toàn Cầu Việt Nam**

Địa chỉ: Số 39B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 44,10%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 49,00%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận Tải Ngoại Thương, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 1 năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

4.1. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hạch toán trong kỳ, riêng các khoản mục phi tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+	Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
+	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm vi tính là 03 - 10 năm.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự tổn thất đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:
 - + Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
 - + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.7. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Trong năm 2013, Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2013.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

▪ Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Dịch vụ vận tải quốc tế	0%
+ Các dịch vụ khác	10%

▪ Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn.

4.11. Công cụ tài chính

▪ Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác, tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

▪ Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.833.391.944	5.287.968.949
Tiền gửi ngân hàng	60.049.444.843	35.851.735.864
Các khoản tương đương tiền	36.459.960.316	35.276.378.787
Tổng cộng	99.342.797.103	76.416.083.600

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	130.673.796.332	127.868.655.998
Trả trước cho người bán	578.156.652	1.566.602.939
Các khoản phải thu khác	5.177.642.250	3.006.020.623
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	136.429.595.234	132.441.279.560
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.417.146.751)	(5.502.263.987)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	130.012.448.483	126.939.015.573

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, trong đó khoản phải thu các bên liên quan là 3.405.778.612 đồng - xem thêm mục 7.

Các khoản phải thu khác có chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Lãi ngân hàng dự thu	-	158.084.044
Phải thu khoản chi hộ Công ty Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (SCSC)	914.908.192	1.500.000.000
Thu hộ Airline - Air Asia	1.019.115.025	-
Phải thu thuế nhà thầu của các hãng hàng không	439.085.318	1.049.084.495
Phải thu về khoản chi hộ phí làm hàng	2.560.315.402	76.578.869
Khác	244.218.313	222.273.215
Cộng	5.177.642.250	3.006.020.623

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	76.207.085	66.565.449
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	48.732.918	202.089.741
Chi phí khác chờ phân bổ	463.799.022	1.174.131.062
Tổng cộng	588.739.025	1.442.786.252

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ ngắn hạn	44.081.248.467	36.428.026.517
Tạm ứng	671.947.115	1.719.285.173
Tổng cộng	44.753.195.582	38.147.311.690

Ký quỹ ngắn hạn bao gồm các khoản đảm bảo thanh toán cho các hãng hàng không, thẻ Master Card và thẻ taxi.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	VND			
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.337.273.150	3.786.093.177	6.733.894.781	13.857.261.108
Mua trong năm	-	-	174.300.000	174.300.000
Thanh lý trong năm	-	(105.976.791)	-	(105.976.791)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(35.320.000)	-	(4.251.968.197)	(4.287.288.197)
Giảm khác	-	-	(171.202.800)	(171.202.800)
Số dư cuối năm	3.301.953.150	3.680.116.386	2.485.023.784	9.467.093.320
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.445.825.531	2.454.834.293	4.506.184.511	9.406.844.335
Khấu hao trong năm	220.130.220	251.763.648	948.501.027	1.420.394.895
Thanh lý trong năm	-	(105.976.791)	-	(105.976.791)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	(35.320.000)	-	(3.523.590.010)	(3.558.910.010)
Giảm khác	-	-	(105.074.259)	(105.074.259)
Số dư cuối năm	2.630.635.751	2.600.621.150	1.826.021.269	7.057.278.170
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	891.447.619	1.331.258.884	2.227.710.270	4.450.416.773
Tại ngày cuối năm	671.317.399	1.079.495.236	659.002.515	2.409.815.150

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.202.841.576 đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	VND
Khoản mục	Phần mềm vi tính
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.833.681.679
Giảm do phân loại lại	(19.670.000)
Số dư cuối năm	1.814.011.679
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	270.894.147
Khấu hao trong năm	235.307.472
Giảm do phân loại lại	(19.670.000)
Số dư cuối năm	486.531.619
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	1.562.787.532
Tại ngày cuối năm	1.327.480.060

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	72.704.108.285	69.349.124.751
Đầu tư dài hạn khác	11.122.755.327	11.122.755.327
Cộng các khoản đầu tư dài hạn	83.826.863.612	80.471.880.078
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(600.000.000)	(2.949.160.026)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	83.226.863.612	77.522.720.052

(Phần tiếp theo ở trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

		VND	
	Tỷ lệ vốn góp	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/12/2013	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2013
Công ty TNHH Vận Chuyển HHHK Toàn Cầu Việt Nam (Globe Air Cargo)	44,10%	8.220.881.000	5.108.969.473
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)	51,00%	1.623.330.000	1.241.653.183
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)	48,90%	6.059.362.500	29.919.778.309
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	29,28%	4.392.000.000	7.405.596.511
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistic)	24,12%	13.200.000.000	26.888.912.259
Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh ExpoVi Na (Expo Vi Na)	39,00%	624.000.000	-
Công ty TNHH United Arab Shipping Agency	49,00%	2.220.680.000	2.139.198.550
Cộng		36.340.253.500	72.704.108.285

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

		VND
	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị đầu tư
Công ty Liên doanh Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	9,15%	4.917.335.327
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vina Vinatrans (V truck)	3,74%	726.150.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	1,22%	1.650.000.000
Công ty Nissan	31,00%	3.229.270.000
Công ty Cổ phần Truyền Thông Logistics Việt Nam	15,00%	600.000.000
Cộng		11.122.755.327

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.127.156.507	1.612.137.040
Chi phí khác chờ phân bổ	671.679.199	158.057.108
Tổng cộng	1.798.835.706	1.770.194.148

5.10. Tài sản dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng TP. Hồ Chí Minh	3.857.317.200	3.983.317.200
Đặt cọc thuê văn phòng Hà Nội	320.505.962	367.618.862
Ký quỹ khác	36.564.900	26.564.900
Tổng cộng	4.214.388.062	4.377.500.962

5.11. Vay ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	-	10.612.452.998
Vay Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans)	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng	5.000.000.000	15.612.452.998

Khoản vay Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam (Vinatrans) theo Hợp đồng số 04/HĐCV/12.2013 ngày 07 tháng 12 năm 2013, là khoản vay VNĐ có thời hạn 3 tháng (kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2013) và chịu lãi suất 12%/năm bằng hình thức thế chấp sổ cổ đông của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (Vinafreight) tại Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng).

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	142.122.628.099	136.505.968.646
Người mua trả tiền trước	6.268.644.935	9.712.983.816
Tổng cộng	148.391.273.034	146.218.952.462

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	380.844.704	354.962.165
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.881.570.830	2.222.690.141
Thuế thu nhập cá nhân	812.744.956	807.399.825
Các loại thuế khác	102.886.860	296.728.658
Tổng cộng	5.178.047.350	3.681.780.789

5.14. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương tháng 13 và thưởng còn phải trả nhân viên.

5.15. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí làm hàng phải trả	6.366.757.812	5.344.593.131
Chi phí khác	3.098.290.406	1.042.926.880
Tổng cộng	9.465.048.218	6.387.520.011

5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	120.730.115	214.903.574
Cổ tức phải trả cho cổ đông của Công ty mẹ	157.702.250	150.031.000
Phải trả các hãng hàng không	2.828.107.055	-
Thuế nhà thầu giữ lại phải trả	1.103.658.817	1.394.426.388
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.683.571.673	1.580.743.681
Khác	2.160.540.818	1.645.955.263
Tổng cộng	8.054.310.728	4.986.059.906

5.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.195.015.257	3.070.195.259
Trích lập trong năm	1.738.791.161	5.323.000.000
Sử dụng trong năm	(3.126.949.200)	(3.198.180.002)
Số dư cuối năm	3.806.857.218	5.195.015.257

5.18. Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nhận ký quỹ cước vận chuyển	3.228.750.000	3.228.750.000
Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	4.263.943.190	3.650.924.888
Khác	420.000.000	20.000.000
Tổng cộng	7.912.693.190	6.899.674.888

(Phần tiếp theo ở trang 28)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

5.19. Vốn chủ sở hữu

5.19.1. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	2.634.566.400	1.518.523.655	(334.785.778)	2.429.765.250	3.589.888.504	142.604.845	855.980.776	75.197.708.176	142.034.251.828
Lợi nhuận trong năm trước										
Tăng (giảm) do hợp nhất	-	21.850.053	(1.518.523.655)	(17.347.751)	(38.206.902)	263.036.325	10.614.035	370.792.280	2.057.579.021	1.149.793.406
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	-	-	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(11.907.500.000)	(11.907.500.000)	
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	2.656.416.453	-	(352.133.529)	2.391.558.348	4.852.924.829	153.218.880	1.226.773.056	72.551.365.534	139.480.123.571
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	33.501.075.907	33.501.075.907
Tăng (giảm) do hợp nhất	-	-	-	-	89.686.003	220.053.751	-	289.247.270	2.704.607.635	3.303.594.659
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	-	-	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	(32.604.845)	-	(5.531.041.161)	(5.563.646.006)
Số dư cuối năm nay	56.000.000.000	2.656.416.453	-	(352.133.529)	2.481.244.351	6.072.978.580	120.614.035	1.516.020.326	103.226.007.915	171.721.148.131

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

5.19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Transimex-Saigon	13.904.000.000	24,83%	13.904.000.000	24,83%
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	6.080.000.000	10,86%	6.080.000.000	10,86%
Đối tượng khác	36.016.000.000	64,31%	36.016.000.000	64,31%
Tổng cộng	56.000.000.000	100,00%	56.000.000.000	100,00%

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, các cổ đông Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5.19.3. Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm cho cổ đông Công ty mẹ:	2.784.578.750	5.568.350.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2013 thì cổ tức năm 2012 được chi trả bằng tiền mặt với tỷ lệ là 5%. Tỷ lệ chi trả cổ tức theo kế hoạch cho năm 2013 là 12%.

5.19.4. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	15.500	15.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.584.500	5.584.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.19.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	33.501.075.907	7.203.578.337
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	5.584.500	5.584.500
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	5.999	1.290

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

5.19.6. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	72.551.365.534	75.197.708.176
Chia cổ tức năm trước cho cổ đông công ty mẹ	(2.792.250.000)	(5.584.500.000)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	33.501.075.907	7.203.578.337
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.500.000.000)	(4.743.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(238.791.161)	(580.000.000)
Tăng khác	2.704.607.635	2.057.579.021
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	103.226.007.915	72.551.365.534

5.20. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần giá trị từ kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Công ty con được hợp nhất trên báo cáo tài chính hợp nhất là Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation), Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Con Đường Việt, và Công ty TNHH Hậu Cần Toàn Cầu SFS Việt Nam có tỷ lệ phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu lần lượt là 10%, 10% và 0%.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.660.794.873	2.863.137.457
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	2.170.451.050	(855.261.626)
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	-	3.624.489.800
Phản trích quỹ và chênh lệch tỷ giá phân bổ cho cổ đông thiểu số	(26.135.379)	22.699.279
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	(204.000.000)	-
Tăng khác	69.068.876	5.729.963
Số dư cuối năm	7.670.179.420	5.660.794.873

(Phần tiếp theo ở trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu - Phòng hàng không	983.209.873.364	743.938.343.357
Doanh thu - Phòng đường biển	73.606.965.514	76.995.700.958
Doanh thu - Phòng Logistics	28.564.332.971	24.585.906.275
Doanh thu - Phòng phát triển kinh doanh	94.267.943.198	63.060.298.740
Doanh thu - Bảo quản hàng hóa	6.447.384.466	6.389.384.761
Doanh thu - Chi nhánh Hà Nội	19.614.379.758	21.868.023.227
Doanh thu khác	28.022.156.469	22.908.528.459
Doanh thu thuần	1.233.733.035.740	959.746.185.777

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	40.945.227.080	35.958.897.173
Chi phí đồ dùng văn phòng	493.822.720	681.794.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.409.774.473	1.486.938.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.093.127.080.474	849.967.443.687
Chi phí bằng tiền khác	52.572.653.175	55.423.974.918
Tổng cộng	1.188.548.557.922	943.519.048.446

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.981.676.672	4.099.079.504
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.588.777.131	8.782.250.743
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.636.488.954	2.084.253.354
Tổng cộng	16.206.942.757	14.965.583.601

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.039.829.498	4.194.841.144
Lỗ thanh lý Công ty con	2.350.000.000	-
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.828.723.004)	2.786.107.026
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(132.979.000)
Chi phí lãi vay	972.109.739	1.223.357.319
Chi phí trả chậm	553.641.341	-
Tổng cộng	6.086.857.574	8.071.326.489

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	10.638.014.220	8.954.436.021
Chi phí đồ dùng văn phòng	95.208.251	30.593.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	307.888.095	336.318.224
Thuế, phí và lệ phí	7.500.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	916.701.640	1.298.128.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	772.094.464	-
Chi phí bằng tiền khác	6.377.929.874	6.393.226.868
Tổng cộng	19.115.336.544	17.017.703.736

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	51.583.241.300	44.913.333.194
Chi phí đồ dùng văn phòng	589.030.971	712.388.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.717.662.568	1.823.256.772
Chi phí dự phòng	916.701.640	1.298.128.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.093.899.174.938	849.967.443.687
Chi phí bằng tiền khác	66.826.678.876	61.822.201.786
Tổng cộng	1.215.532.490.293	960.536.752.182

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Khác bao gồm: Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Hồ Chí Minh				Khác				Loại trừ				Đơn vị tính: triệu đồng	
	Năm nay		Năm trước		Năm nay		Năm trước		Năm nay		Năm trước		Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp nhất														
Từ khách hàng bên ngoài	1.058.367		867.699		175.366		92.047		-		-		1.233.733	959.746
Giữa các bộ phận	12.959		14.573		5.578		993		(18.537)		(15.566)		-	-
Tổng cộng	1.071.326		882.272		180.944		93.040		(18.537)		(15.566)		1.233.733	959.746
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất														
Kết quả của bộ phận	10.677		(2.364)		15.342		1.574		-		-		26.019	(791)
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính và chi phí tài chính													26.019	(791)
Thu nhập tài chính													16.207	14.966
Chi phí tài chính													(6.087)	(8.071)
Lợi nhuận khác													(1.642)	(595)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh													6.491	4.317
Thuế thu nhập doanh nghiệp													(5.317)	(3.478)
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế													35.672	6.348

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Các thông tin khác

	Hồ Chí Minh		Khác		Loại trừ		Đơn vị tính: triệu đồng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	359.035	335.852	41.135	19.627	(26.017)	(16.359)	374.153	339.120
Tổng tài sản hợp nhất	359.035	335.852	41.135	19.627	(26.017)	(16.359)	374.153	339.120
Nợ phải trả của bộ phận	194.140	195.605	26.638	14.732	(26.017)	(16.359)	194.762	193.979
Tổng nợ phải trả hợp nhất	194.140	195.605	26.638	14.732	(26.017)	(16.359)	194.762	193.979

Đơn vị tính: triệu đồng

	Hồ Chí Minh		Khác		Loại trừ		Đơn vị tính: triệu đồng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua sắm tài sản	444	935	-	22	-	-	444	957
Chi phí khấu hao	1.559	1.653	159	170	-	-	1.718	1.823

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Transimex-Saigon	Nhà đầu tư ảnh hưởng đáng kể
2. Các công ty liên doanh, liên kết - xem thêm mục 5.8	Công ty liên doanh, liên kết

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư công nợ phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.3	3.405.778.612	1.622.085.676
Phải trả	-	(59.596.394)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.807.606.741	43.764.282.386
Sử dụng dịch vụ	(1.602.282.709)	(380.007.611)

- Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	996.982.668	1.113.217.014
Thù lao Hội đồng quản trị	759.600.000	-
Tổng cộng	1.756.582.668	1.113.217.014

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.342.797.103	76.416.083.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.731.873.175	122.524.476.055
Đầu tư ngắn hạn	5.780.240.000	790.400.000
Đầu tư dài hạn	10.522.755.327	8.173.595.301
Tài sản tài chính khác	48.295.636.529	40.805.527.479
Tổng cộng	291.673.302.134	248.710.082.435

Công nợ tài chính

Các khoản vay	5.000.000.000	15.612.452.998
Phải trả người bán và phải trả khác	156.172.871.584	145.241.216.416
Chi phí phải trả	8.641.349.518	6.387.520.011
Tổng cộng	169.814.221.102	167.241.189.425

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Tập đoàn không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Tập đoàn không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Tập đoàn không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Tập đoàn không thể thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	1.080.672,17	3.967.747,03	1.456.293,70	2.149.507,33
Đô la Singapore (SGD)	18.069,58	18.069,58	-	-
Euro (EUR)	-	381,66	-	-
Bảng Anh (GBP)	136,08	136,08	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	148.260.178.394	7.912.693.190	156.172.871.584
Chi phí phải trả	8.641.349.518	-	8.641.349.518

01/01/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	15.612.452.998	-	15.612.452.998
Phải trả người bán và phải trả khác	138.341.541.528	6.899.674.888	145.241.216.416
Chi phí phải trả	6.387.520.011	-	6.387.520.011

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.731.873.175	-	127.731.873.175
Đầu tư ngắn hạn	5.780.240.000	-	5.780.240.000
Đầu tư dài hạn khác	-	10.522.755.327	10.522.755.327
Tài sản tài chính khác	44.081.248.467	4.214.388.062	48.295.636.529

01/01/2013	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.524.476.055	-	122.524.476.055
Đầu tư ngắn hạn	790.400.000	-	790.400.000
Đầu tư dài hạn khác	-	8.173.595.301	8.173.595.301
Tài sản tài chính khác	36.428.026.517	4.377.500.962	40.805.527.479

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 03 năm 2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN TRỊNH PHƯƠNG THẢO

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN